

Bản án số: 92/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 03/8/2018
(V/v Tranh chấp xin ly hôn)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HẢI - TỈNH BẠC LIÊU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Hải Đăng

Các hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Châu Đông Dương

2/. Ông Huỳnh Công Tuy

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mộng Nghi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa: Ông Lê Quốc Huy, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 257/2018/TLST-HN ngày 17 tháng 7 năm 2018 về việc “tranh chấp xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Chị Trương Thị D, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp T II, xã LĐ, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

2/. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1979

Địa chỉ: ấp T II, xã LĐ, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị D và anh H có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/7/2018, lời khai trong quá trình tố tụng, cũng như lời trình bày tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Trương Thị D và anh Nguyễn Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị D và anh H chung sống với nhau vào năm 2000, hôn nhân do quen biết trước, vợ chồng có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Hôn nhân trên tinh thần tự nguyện nhưng đến nay vợ chồng anh chị chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Nguyên nhân ly hôn theo chị D xác định: Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc. Thời gian sau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng hay cự

cãi, dẫn đến cuộc sống ngày càng căng thẳng và không còn hạnh phúc. Nguyên nhân chính là trong thời gian chung sống anh H có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, thường xuyên đi sớm về khuya, anh H không chăm sóc cho cuộc sống gia đình. Vợ chồng anh chị đã ly thân với nhau cách nay đã hơn 02 tháng qua. Nay xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị yêu cầu ly hôn với chồng chị là anh H.

Nguyên nhân ly hôn theo anh H xác định: thời gian chung sống vợ chồng anh chị phát sinh một số mâu thuẫn, vợ anh nghe lời người khác nói anh có quan hệ với phụ nữ khác bên ngoài, từ đó ghen tuông vô cớ. Vợ chồng anh chị thường xuyên cãi nhau, dẫn đến cuộc sống ngày càng căng thẳng và không còn hạnh phúc. Hiện nay vợ chồng anh chị mỗi người đã có cuộc sống riêng, nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của vợ anh là chị D.

Về con chung: Chị D và anh H xác định thời gian chung sống vợ chồng anh chị có 02 người con chung tên Nguyễn Chí N, sinh ngày 18/12/2003 và Nguyễn CHÍ T, sinh ngày 08/11/2004. Khi ly hôn chị D và anh H thống nhất xác định tôn trọng nguyện vọng của con, vấn đề cấp dưỡng nuôi con anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: chị D và anh H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm chị D xác định chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với anh H. Chị D và anh H không còn tài liệu, chứng cứ để cung cấp thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của các đương sự là đúng là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: chị D và anh H chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị D và anh H.

Về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của hai người con của chị D và anh H. Giao cả hai người con tên Nguyễn Chí N, sinh ngày 18/12/2003 và Nguyễn CHÍ T, sinh ngày 08/11/2004 cho chị D được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không có yêu cầu, nên đề nghị không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Do chị D và anh H không đặt ra yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình thì chị D phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị D có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với anh H. Anh H có địa chỉ cư trú tại huyện Đông Hải. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải.

[2] Về nội dung vụ án: chị D và anh H chung sống với nhau vào khoảng năm 2000, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, nhưng vẫn chưa đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy việc không đi đăng ký kết hôn giữa chị D và anh H là đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”

Do đó theo quy định của pháp luật thì hôn nhân giữa chị D và anh H không có giá trị pháp lý, không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị D xin ly hôn với anh H thì Hội đồng xét xử không giải quyết cho chị D và anh H ly hôn với nhau, mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị D và anh H là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: sự thỏa thuận của chị D và anh H cùng phù hợp với nguyện vọng của hai người con của anh chị, nên Hội đồng xét xử ghi nhận, giao cả hai người con tên Nguyễn Chí N, sinh ngày 18/12/2003 và Nguyễn Chí T, sinh ngày 08/11/2004 cho chị D được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị D và anh H không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh H có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị D và anh H không đặt ra yêu cầu, nên nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Trương Thị D và anh Nguyễn Văn H là vợ chồng.

2/. Về nuôi con chung: Giao cả hai người con tên Nguyễn Chí N, sinh ngày 18/12/2003 và Nguyễn Chí T, sinh ngày 08/11/2004 cho chị Trương Thị D được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết. Tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Văn H.

Anh Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3/. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình: chị Trương Thị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011262 ngày 17 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
đã ký

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BL
- VKSND huyện Đông Hải
- THA huyện Đông Hải
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;

Lưu Hải Đăng